

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HS-ST
Ngày 25-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC, TỈNH Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Bạch Yến và bà Ngô Thị Mỹ Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S và Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, xét xử trực tuyến sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 30/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 29/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Thanh S; giới tính: Nam; sinh năm 1997; nơi sinh: Tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh P; chỗ ở: Sòng lang thang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12.

- Cha: Bùi Văn N, sinh năm: 1972.

- Mẹ: Lâm Thị Hồng N, sinh năm: 1976.

- Anh, chị, em: Không có.

- Vợ: Huỳnh Thị D, sinh năm 1998.

- Con: 01 người, tên Huỳnh Thị Bé M, sinh năm: 2018.

- Tiền án, tiền sự: Không có.

- Tạm giữ: Ngày 09/4/2023.

- Tạm giam: Ngày 12/4/2023.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ.

Bị cáo có mặt tại điểm cầu Trại tạm giam Công an tỉnh Đ.

- Bị hại: Em Nguyễn Công T, sinh năm 2006.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958.

Cùng nơi cư trú: Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Đ (em T và bà L có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh Đào Thanh S, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đ (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lê Quang L, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: ấp P, xã Tân P, thành phố S, tỉnh Đ (vắng mặt).

2. Em Lê Hoàng T, sinh năm 2005.

Nơi cư trú: ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đ (vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Khóm G, Phường H, thành phố S, tỉnh Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 06/4/2023, bị cáo Bùi Thanh S và em Nguyễn Công T, sinh ngày 28/10/2006, cùng chơi game tại tiệm Internet “Phước Lộc” tọa lạc đường Hùng Vương, Khóm X, Phường Y, thành phố S nên quen biết nhau. Do bị cáo S không có tiền tiêu xài nên tìm cách chiếm đoạt T sản của T. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày 06/4/2023, bị cáo S rủ T đến xã T, huyện C, tỉnh Đ để lấy tiền và hứa sau khi lấy tiền xong sẽ cho tiền; T tin là thật nên đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 66FA - 024.42 chở bị cáo S ngồi sau, khi đến con hẻm gần Trường tiểu học T thuộc xã P, huyện C, tỉnh Đ thì bị cáo S kêu T dừng xe lại rồi bị cáo đi vào trong hẻm còn T ngồi ngoài xe đợi. Khoảng 05 phút sau, bị cáo S đi ra điều khiển xe mô tô biển số 66FA - 024.42 chở T ngồi phía sau, chạy trên đường nông thôn hướng từ cầu Ba Ó về hướng ấp P, xã T, thành phố S. Khi đến trước vườn xoài của ông Trần Ngọc H thuộc ấp P, xã T, thành phố S, bị cáo S dừng xe lại và kêu T xuống xe vào vườn hái trộm xoài ăn nhưng T không đồng ý. Lúc này, bị cáo S nắm cổ áo và đẩy T ngồi xuống bụi chuối cạnh mép mương và nói sẽ kêu người đến đánh T, rồi bất ngờ bị cáo S dùng tay phải đánh 03 đến 04 cái vào cánh tay và vai phía bên phải của T, tiếp tục dùng chân phải đạp vào cánh tay và vạy phía bên phải của T 03 đến 04 cái làm T té ngã xuống mé mương. Xong, bị cáo S lấy và điều khiển xe mô tô biển số 66FA - 024.42 đến gặp và mượn điện thoại của anh Lê Hoàng T để điện thoại cho anh Lê Quang L nói có xe muốn bán. Sau đó anh L điện thoại cho anh Đào Thanh S đến gặp thỏa thuận mua xe mô tô biển số 66FA - 024.42 do bị cáo S bán với giá 1.200.000 đồng. Anh S đưa cho anh L số tiền

mua xe là 1.200.000 đồng, anh L đưa cho bị cáo S số tiền 1.100.000 đồng và giữ lại 100.000 đồng tiền huê hồng. Số tiền bán xe có được bị cáo S tiêu xài cá nhân hết.

Đối với em Nguyễn Công T sau khi bị đánh, lấy xe đã đến Công an xã T, thành phố S trình báo sự việc. Qua truy xét, Công an làm việc, bị cáo S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra, anh Đào Thanh S đã giao nộp xe mô tô biển số 66FA - 024.42 hiệu SYM ELEGANT, màu xanh trắng đen, nhưng không có gắn biển số.

Tại biên bản và kết luận định giá T sản số 10/HĐ.ĐGTS ngày 19/4/2023 của Hội đồng định giá T sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô hiệu SYM ELEGANT, màu xanh trắng đen, số khung RLGS05MHEH011769, số máy VSE1A – H001769, biển số 66FA-024.42 (đã qua sử dụng, đã thu hồi được). Giá trị định giá là 6.500.000 đồng.

Đối với xe mô tô biển số 66FA-024.42 hiện do Nguyễn Lê Ngọc A đứng tên giấy đăng ký xe. Vào năm 2021, chị A bán xe cho anh Nguyễn Trung T với giá 8.000.000 đồng. Đến ngày 21/5/2021 anh T bán xe trên cho bà Nguyễn Thị L (bà ngoại của T) với giá 8.500.000 đồng nhưng chưa sang tên giấy đăng ký xe. Bà L cho T sử dụng để làm phương tiện đi lại quá trình điều tra đã trao trả xe mô tô trên cho bà L nhận lại xong, không có ý kiến gì.

Đối với biển số xe 66FA-024.42 không thu hồi được, bà L đã làm thủ tục xin cấp lại và đã được cấp lại biển số mới không yêu cầu bị cáo S bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Đối với em T bị Sang đánh, nhưng không có thương tích và em T cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền mua xe mô tô biển số 66FA-024.42 là 1.200.000 đồng anh Đào Thanh S không yêu cầu bị cáo S và anh Lê Quang L trả lại nên không xem xét giải quyết.

Tại bản cáo trạng số: 28/CT-VKSTPSTĐ ngày 29/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố S đã truy tố bị cáo Bùi Thanh S về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định đã truy tố; phân tích, nhận định hành vi phạm tội; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị HĐXX tuyên bố: Bị cáo Bùi Thanh S phạm tội “Cướp tài sản”. Về hình phạt chính: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Thanh S mức án từ 03 năm đến 04 năm tù. Về hình phạt bổ sung: không đề nghị áp dụng. Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong. Về xử lý vật chứng: đã xử lý xong.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố; không bào chữa, không tranh luận.
- Bị hại không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; lời khai của bị cáo phù hợp với các tình tiết như bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tài sản đã chiếm đoạt.

Từ đó, đủ cơ sở xác định:

Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 06/4/2023, tại đoạn đường nông thôn thuộc ấp P, xã T, thành phố S, bị cáo Bùi Thanh S có hành vi dùng vũ lực: dùng tay, chân đánh, đập làm cho em Nguyễn Công T ngã xuống mé ruộng, lâm vào tình trạng không thể chống cự, hoảng sợ bỏ chạy, để bị cáo chiếm đoạt tài sản là xe mô tô biển số 66FA-024.42 trị giá 6.500.000đ, đem bán tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Điều 168 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2...”.

[3]. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực để nhận thức rõ hành vi dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị nhưng vẫn cố ý phạm tội. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Xét thấy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật. Đồng thời, luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là khách quan, toàn diện, đúng người, đúng tội và đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo nhận tội, không tranh luận, không bào chữa. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời

sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo; đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; tài sản chiếm đoạt bị hại đã nhận lại xong. Vì vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét trong việc quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp để tạo ra thu nhập, không có tài sản riêng; kinh tế gia đình thuộc diện khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

[9]. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

[10]. Về án phí: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thanh S phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thanh S mức án 03 năm 06 tháng tù (Ba năm sáu tháng tù). Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 09/4/2023).

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

4. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Bị cáo Bùi Thanh S nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh ĐT; (1b)
- VKSND Tp. S; (2b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an Tp. S; (4b)
- Chi cục THA Tp. S; (1b)
- Sở Tư pháp; (1b)
- Thi hành án phạt tù; (1b)
- Những người tham gia tố tụng; (1b)
- Lưu VT, TP; (2b)
- Lưu hồ sơ.

Phạm Hoàng Anh